

Số: 06/2023/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP LẦN THỨ X - NHIỆM KỲ IV  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM  
QUỐC GIA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC5/KDBH ngày 6/9/2021 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình của Ban Điều hành, kết quả thảo luận, biểu quyết và Biên bản ngày 27/3/2023 về phiên họp Hội đồng quản trị VINARE lần thứ 10, nhiệm kỳ IV ngày 23/3/2023;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông 2023 thông qua:

**1.1 Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2022:** Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.861.671.130.667 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.212.138.104.741 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhượng TBH: 1.440.897.174.956 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.937.956.784.312 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (VND)	Thực hiện 2022 (VND)	KH 2022 (VND)	So sánh 2022/KH	So sánh 2022/21
<b>1. Doanh thu phí nhận TBH</b>	<b>2.246.160.196.791</b>	<b>2.368.870.128.678</b>	<b>2.211.345.000.000</b>		
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	1.728.494.605.429	1.971.334.594.477	1.901.345.000.000	103,7%	114,1%
- Nghiệp vụ PA	517.665.591.362	397.535.534.201	310.000.000.000	128,2%	76,8%
<b>2. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>407.913.751.730</b>	<b>439.371.248.415</b>	<b>434.700.000.000</b>	<b>101,1%</b>	<b>107,7%</b>

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (VND)	Thực hiện 2022 (VND)	KH 2022 (VND)	So sánh 2022/KH	So sánh 2022/21
2.1. Lợi nhuận được phân phối	408.821.120.886	437.753.353.406	434.700.000.000	100,7%	107,1%
2.2. Lợi nhuận không được phân phối (Chênh lệch tỷ giá)	(907.369.156)	1.617.895.009			
<b>3. Tổng thu- Tổng chi không lương</b>	<b>473.170.749.421</b>	<b>506.427.221.550</b>	<b>504.000.000.000</b>	<b>100,5%</b>	<b>107,0%</b>

**Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh 2022.**

**1.2 Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:**

- Tổng tài sản: 7.126.478.829.142 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.457.330.542.557 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhuợng TBH: 1.440.897.174.956 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.937.956.784.312 VND

**Điều 2:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và trình Đại hội đồng cổ đông 2023 thông qua, nội dung chủ yếu như sau:

**2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận đến ngày 31.12.2022:**

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
<b>1. Lợi nhuận còn lại tại ngày 01/01/2022</b>	<b>637.431.526.125</b>
- Lợi nhuận được phân phối	563.296.818.935
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	74.134.707.190
<b>2. Thuế TNDN nộp theo quyết định thanh tra thuế</b>	<b>64.565.035</b>
<b>3. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022</b>	<b>354.828.356.681</b>
- Lợi nhuận được phân phối	353.210.461.672
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	1.617.895.009
<b>4. Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2022 (4=1-2+3)</b>	<b>992.195.317.771</b>
- Lợi nhuận được phân phối	916.442.715.572
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	75.752.602.199

**2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2022 trình Đại hội đồng cổ đông 2023 phê chuẩn:**

<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế 2022</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1. Quỹ dự trữ bắt buộc	3.031.682.301
2. Quỹ đầu tư phát triển	0
3. Quỹ khen thưởng	5.298.156.925
4. Quỹ phúc lợi	5.407.791.638
5. Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền (tỷ lệ 10%)	150.737.130.000
<b>6. Lợi nhuận còn lại</b>	<b>827.720.556.907</b>
- Lợi nhuận được phân phối	751.967.954.708
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	75.752.602.199

Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022<sup>1</sup>

### 2.3 Tỷ lệ cổ tức năm 2022:

- 10% bằng tiền và;
- 10% bằng cổ phiếu

### 2.4 Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2022: 2.144.766.723 VND

**Điều 3:** Thông qua các giao dịch với bên có liên quan năm 2022 (báo cáo đính kèm), đề nghị Ban Điều hành đảm bảo hiệu quả hoạt động của VINARE và tuân thủ quy định pháp luật.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng 2023 (báo cáo đính kèm).

**Điều 5:** Thông qua báo cáo kết quả thanh toán cổ phiếu Tiên Phong Bank trong năm 2022. Đề nghị Ban Điều hành tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua và Kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt.

### **Điều 6:**

- 6.1 Thông qua báo cáo Kết quả triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm.
- 6.2 Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách thay mặt Hội đồng quản trị chỉ đạo, đôn đốc triển khai các công việc tiếp theo, báo cáo Hội đồng quản trị về việc hoàn thành, nghiệm thu chính thức.

<sup>1</sup> Căn cứ các Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 29/3/2022, số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013 sửa đổi một số qui định liên quan đến việc phân phối lợi tức sau thuế tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 ngày 28/4/2006 và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008.

**Điều 7:** Nhất trí thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Một số nội dung chính như sau:

**7.1 Kế hoạch kinh doanh chung:**

*Đơn vị Tr. VND*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tăng trưởng
<b>Doanh thu phí nhận</b>	<b>2.468.000</b>	<b>2.368.870</b>	<b>4,2%</b>
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2.168.000	1.971.335	10,0%
- Nghiệp vụ PA	300.000	397.536	-24,5%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>460.000</b>	<b>439.371</b>	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	460.000	437.753	5,1%
- Chênh lệch tỷ giá	Chưa xác định	(1.618)	
<b>Tỷ lệ cổ tức dự kiến</b>	<b>12%</b>	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	
<b>Tổng thu – Tổng chi không lương</b>	<b>533.000</b>	<b>506.427</b>	<b>5,2%</b>

**7.2 Kế hoạch dự kiến phân bổ tài sản đầu tư:**

*Đơn vị Tr. VND*

TT	Danh mục đầu tư	KH2023	TH2022	Chênh lệch	Tỷ trọng (31/12/2023)
1	Tiền gửi ngân hàng	2.690.000	2.765.300	(75.300)	59,8%
2	Trái phiếu	850.000	680.000	170.000	18,9%
3	Góp vốn cổ phần	525.000	494.296	30.704	11,7%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	365.000	315.000	50.000	8,1%
5	Văn phòng cho thuê	5.000	4.591	409	0,1%
6	Bất động sản	11.206	11.206	0	0,2%
7	Tiền tài khoản thanh toán	53.794	51.000	2.794	1,2%
	<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.500.000</u></b>	<b><u>4.321.393</u></b>	<b><u>178.607</u></b>	<b><u>100,0%</u></b>

Tổng công ty tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư theo dự kiến phân bổ tài sản nêu trên theo thẩm quyền. Tỷ lệ nói trên có thể thay đổi trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và tận dụng các cơ hội đầu tư phù hợp.

**7.3 Phê duyệt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, cải tạo tài sản cố định** với số tiền dự toán: 22.100.000.000 VND. Đề nghị Ban Điều hành triển khai tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

**Điều 8:** Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất của Ban Kiểm soát:

8.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2023, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty TNHH KPMG Việt nam
- b. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- c. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- d. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

8.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

**Điều 9:** Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

**Điều 10:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: Thư ký HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Tuấn**